

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HS-ST
Ngày: 06/9/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Cốc Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đình Mạnh và ông Lương Đình Liên

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại nhà văn hóa khu 1, thị trấn Kê Sặt, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn D**, sinh năm 1985 tại xã CB, huyện BG, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn BD, xã CB, huyện BG, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị D; Vợ: Phạm Thị Q; Có 02 con.

Tiền án:

+ Bản án số 31/2014/HSST ngày 14/8/2014 của TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xử 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá tài sản 2.300.000 đồng). D chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/3/2015 và các hình phạt khác của bản án.

+ Bản án số 22/2016/HSST ngày 27/7/2016 của TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xử 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá tài sản 500.000 đồng). D chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/10/2016 và các hình phạt khác của bản án.

+ Bản án số 63/2018/HSST ngày 16/10/2018 của TAND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xử 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá tài sản 600.000 đồng). D chấp hành xong hình phạt ngày 27/3/2019.

Tiền sự: Ngày 12/6/2014 bị Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPVPHC về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, mức phạt 1.000.000 đồng. D chưa chấp hành nộp phạt.

Nhân thân: Ngày 01/8/2011 bị Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội ra Quyết định số 4753/QĐ-UBND áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính là 24 tháng tính từ ngày 26/7/2011.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 06/6/2019, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Phạm Văn Đ** - Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương, có mặt.

*** Người bị hại:**

1- Anh **Nguyễn Duy H**, sinh năm 1982.

2- Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1982.

Đều trú tại: Thôn BX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

(Anh H, chị Th vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1- Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn TN, xã TK, huyện BG, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

2- Anh **Nguyễn Bá H**, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn KC, xã AĐ, huyện NG, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

3- Chị **Phạm Thị Q**, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn BD, xã CB, huyện BG, tỉnh Hải Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 00 phút ngày 04/6/2019, Phạm Văn D điều khiển xe mô tô BKS 34M8-5311, phía sau xe chở theo thùng xốp từ nhà ở thôn BD, xã CB, huyện BG, tỉnh Hải Dương đến thị trấn KS, huyện BG để tìm mua vịt giống nhưng không mua được, D điều khiển xe quay về, khi đến khu chăn nuôi của gia đình anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1982, ở thôn BX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương, D điều khiển xe vào trong sân thì thấy cửa nhà anh H, chị Th mở, đi vào nhà thấy không có ai, D nhìn thấy điện thoại Samsung Galaxy A7 để trong túi xách treo trên tường, hờ 1/3 ra ngoài miệng túi, D nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại trên của anh H. D lấy điện thoại cho vào túi quần bên trái và đi ra ngoài sân, nhìn thấy các bao cám, loại dành cho vịt, hiệu An Bình để tại lối đi ra khu chăn nuôi, D bê một bao cám lên trên giá để xe phía trước rồi nổ máy đi về nhà. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày D điều khiển xe mô tô chở bao cám đến chợ P, xã TH, huyện BG bán cho một người phụ nữ không quen biết với giá 130.000 đồng. Sau

đó, D đến cửa hàng sửa chữa điện thoại của anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1996 ở thôn TN, xã TK, huyện BG bán điện thoại của anh H cho anh L với giá 2.600.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán cám và bán điện thoại, D đã chi tiêu cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 12/HĐĐGTS ngày 05/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Giang kết luận: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, vỏ màu xanh trị giá 4.000.000 đồng; một bao cám, loại dành cho vịt, hiệu An Bình trị giá 200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 4.200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 49/VKS-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Phạm Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện VKSND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn D từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 06/6/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.
4. Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương thu giữ xe mô tô BKS 34M8-5311, đây là tài sản thuộc sở hữu chung của bị cáo và vợ là chị Phạm Thị Q. Chị Q không biết D sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội nên tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô và trả lại chị Phạm Thị Q $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô BKS 34M8-5311.
5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người báo chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa, đề nghị HĐXX xem xét, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ TNHS; động cơ phạm tội; trình độ học vấn của bị cáo hạn chế cũng làm ảnh hưởng đến tư duy, nhận thức; điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn...để giảm một phần hình phạt đồng thời miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang; Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Hồi 06 giờ 09 phút ngày 04/6/2019, lợi dụng sơ hở không có người trông coi tài sản, Phạm Văn D điều khiển xe mô tô BKS 34M8-5311 vào khu chuyển đổi của gia đình anh Nguyễn Duy Hi ở thôn BX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương, chiếm đoạt 01 điện thoại Samsung Galaxy A7 trị giá 4.000.000 đồng; 01 bao cám 25kg, loại cho vịt, hiệu An Bình trị giá 200.000 đồng, tổng trị giá tài sản là 4.200.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại Samsung Galaxy A7 và 01 bao cám của gia đình anh H. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nhằm chiếm đoạt tài sản và vì mục đích vụ lợi. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 4.200.000 đồng nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS thì thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bố đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Ngày 14/8/2014 bị cáo bị TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương kết án 08 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (trị giá tài sản trộm cắp 2.300.000 đồng). Ngày 27/7/2016 bị cáo bị TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương kết án 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (trị giá tài sản trộm cắp 500.000 đồng). Ngày 16/10/2018 bị cáo bị TAND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương kết án 08 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (trị giá tài sản trộm cắp 600.000 đồng). Các tài sản bị cáo chiếm đoạt năm 2016 và năm 2018 đều dưới 2.000.000 đồng nên các bản án trước đó đều là yếu tố định tội đối với bị cáo. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/3/2019, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý (trị giá tài sản trộm cắp 4.200.000 đồng) nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án kết án về tội chiếm đoạt, bị xử lý hành chính về các hành vi vi phạm khác nhưng bị cáo không lấy đó làm bài

học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân, muốn hưởng thụ bằng con đường bất chính. Vì vậy cần pháp áp dụng mức hình phạt phù hợp là phạt tù có thời hạn mới đảm bảo giáo dục riêng bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Duy H và chị Nguyễn Thị Th xác định đã nhận lại chiếc điện thoại là tài sản mà D trộm cắp; anh H, chị Th cho bị cáo trị giá bao cam và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

Anh Nguyễn Văn L mua chiếc điện thoại của D nhưng không biết đó là tài sản do D trộm cắp nên hành vi của anh Luân không vi phạm pháp luật. Anh L xác định cho bị cáo số tiền 2.600.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác nên vấn đề dân sự trong vụ án không phải giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô BKS 34M8-5311 bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội; xe có nguồn gốc của anh Nguyễn Bá H ở KC, AD, NG, Hải Dương. Anh H xác định anh đã bán xe mô tô trên cho người không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Tuy nhiên hai bên không làm thủ tục chuyển quyền theo quy định của pháp luật. Bị cáo D và chị Q xác định xe mô tô BKS 34M8-5311 là tài sản thuộc sở hữu chung của bị cáo và chị Q. Chị Q không biết D sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội nên không có căn cứ xử lý đối với chị Q đồng thời cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô và trả lại chị Phạm Thị Q $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô BKS 34M8-5311 phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

1- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2- Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/6/2019.

3- Về vật chứng: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô BKS 34M8-5311, đã cũ; nhãn hiệu SHOZUKA, màu sơn đỏ; số máy: FMH2006437; số khung: không xác định được.

Trả lại chị Phạm Thị Q, sinh năm 1987 ở thôn Bình Dương, xã CB, huyện BG, tỉnh Hải Dương $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô BKS 34M8-5311.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang ngày 22/8/2019).

4- Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Phạm Văn D.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án (phần có liên quan) trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án (phần có liên quan) trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Giang;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS (CA tỉnh HD);
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên